

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I (Phần TN nhiều lựa chọn, Đ/S; trả lời ngắn)

Môn: ĐỊA LÍ 10

Năm học: 2025-2026

BÀI 5. VŨ TRỤ. HỆ MẶT TRỜI VÀ TRÁI ĐẤT.

PHẦN TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Khi Luân Đôn là 0 giờ ngày 20 - 11 - 2021 thì Xơ-un (Hàn Quốc) là mấy giờ?

Câu 2: Khi Hà Nội là 9 giờ ngày 2 - 9 - 2021 thì Luân Đôn (Anh) là mấy giờ?

Câu 3: Nếu múi giờ số 12 đang là 2 giờ ngày 15 - 2 thì cùng lúc đó VN (múi giờ Số 7) đang là mấy giờ

Câu 4: Khi ở Luân Đôn (Anh) là 9 giờ ngày 20 - 11 - 2021 thì cùng lúc đó ở các thành phố Hà Nội (múi số 7), Mát-xcơ-va (múi số 2), Niu Oóc (múi số 19), Ri-ô đê Gia-nê-rô (múi số 21) là mấy giờ?

Câu 5: Nếu múi giờ số 12 đang là 2 giờ ngày 15 - 2 thì cùng lúc đó Việt Nam (múi giờ số 7) đang là mấy giờ, ngày bao nhiêu?
9h ngày 15-2

Câu 6: Một trận bóng đá diễn ra ở sân vận động nước Anh (múi số 0) lúc 16 giờ ngày 04/11/2023 được truyền hình trực tiếp. Hỏi các địa phương sau đây là xem trận bóng đá trên vào giờ và ngày nào: Hà Nội (múi giờ số 7), Tôkyô (múi giờ số 9), Ai Cập (múi giờ số 5), Oasinton (múi số 19)?

Bài 8. Khí quyển

PHẦN TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Tại độ cao 1000m trên dãy núi Hoàng Liên Sơn nhiệt độ là 15°C, hỏi nhiệt độ tại chân núi (0m) nhiệt độ cùng thời điểm là bao nhiêu °C?

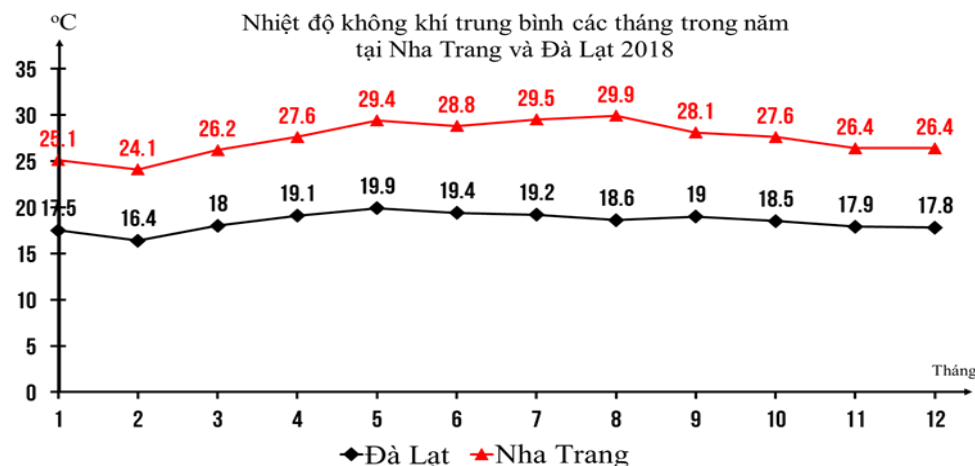
Câu 2: Tại độ cao 1000m trên dãy núi Cap-ca có nhiệt độ là 34°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2500m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

Câu 3: Tại độ cao 500m trên dãy núi Himalaya có nhiệt độ là 28°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 3000m là bao nhiêu °C?

Câu 4: Tại độ cao 1000 m trên dãy núi Hoàng Liên Sơn có nhiệt độ là 18°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2800 m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

Câu 5: Tính nhiệt độ tại chân núi của sườn đón gió biết nhiệt độ tại đỉnh núi là 10 °C, ngọn núi cao 2800m (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

Câu 6: Cho biểu đồ



Nhiệt độ trung bình năm tại Nha Trang là bao nhiêu?

Bài 9. KHÍ ÁP. GIÓ

Câu 1. Không khí dù rất nhẹ, vẫn có sức nén xuống mặt Trái Đất gọi là

A. khí quyển. B. khí áp. C. áp cao. D. áp thấp.

Câu 2. Các đai áp cao và áp thấp phân bố xen kẽ và đối xứng qua

A. đai áp thấp xích đạo.

B. đai áp cao ôn đới.

C. đai áp thấp ôn đới.

D. đai áp cao xích đạo.

Câu 3. Nguyên nhân hình thành gió đất và gió biển là

A. sự thay đổi khí áp giữa đất liền và biển vào ban ngày và ban đêm.

B. sự hấp thụ và giải nhiệt giữa đất và nước khác nhau.

C. độ ẩm giữa biển và đất liền khác nhau.

D. nhiệt độ giữa biển và đất liền khác nhau giữa ngày và đêm dẫn đến sự khác nhau về khí áp.

Câu 5. Ven xích đạo là vùng áp thấp vì:

A. Tại đây không khí ẩm do nước bốc hơi nhiều.

B. Tại đây nhiệt độ thường thấp hơn chí tuyến.

C. Tại đây nhiệt độ cao do thường xuyên được Mặt trời chiếu sáng.

D. Bề dày của tầng đối lưu lớn hơn 2 cực.

Câu 6. Nguyên nhân chủ yếu làm cho các đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành từng khu khí áp riêng biệt là

A. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.

B. tác động của hoàn lưu khí quyển.

C. sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương.

D. ảnh hưởng của các dòng biển (nóng và lạnh).

Câu 7. Từ Bắc → Nam các vành đai khí áp được phân bố theo thứ tự sau

A. 1 hạ áp xích đạo, 2 cao áp cận chí tuyến, 2 cao áp ôn đới, 2 hạ áp cực.

B. 1 hạ áp xích đạo, 2 cao áp cận chí tuyến, 2 hạ áp ôn đới, 2 cao áp cực.

C. 1 hạ áp xích đạo, 2 hạ áp cận chí tuyến, 2 cao áp ôn đới, 2 cao áp cực.

D. 1 hạ áp xích đạo, 2 cao áp cận chí tuyến, 2 hạ áp cực.

Câu 8. Gió mùa là loại gió

A. thổi theo từng mùa, cùng phương, ngược hướng nhau ở 2 mùa.

B. gió thổi chủ yếu vào mùa đông theo hướng Đông Bắc.

C. gió thổi chủ yếu vào mùa hạ hướng Đông Nam.

D. gió thổi chủ yếu vào mùa hạ hướng Tây Nam.

Câu 9. Gió thổi ban ngày từ biển vào đất liền gọi là gió

A. gió Breeze.

B. gió biển.

C. gió đất.

D. gió fơn.

Câu 10. Gió đất là gió thổi

A. từ đất liền ra biển vào ban đêm

B. từ đất liền ra biển vào ban ngày

C. từ sườn núi xuống thung lũng

D. gió thổi chủ yếu vào mùa hạ hướng Tây Nam.

Câu 11. Gió Mậu dịch ở Bắc Bán cầu thổi theo hướng

A. Đông Bắc.

B. Tây Bắc.

C. Tây Nam.

D. Tây Đông.

Câu 12. Gió Mậu dịch ở Nam Bán cầu thổi theo hướng

A. Đông Bắc.

B. Tây Bắc.

C. Đông Nam.

D. Tây Đông.

Câu 13. Nguyên nhân hình thành gió mùa là

A. do sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa.

B. do sự nóng lên giữa lục địa và đại dương theo mùa.

C. do sự lạnh đi của đại dương theo mùa.

D. do lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa.

Bài 10. MƯA

Câu 1. Những nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa là

A. khí áp, frông, gió, dòng biển, địa hình.

B. sương mù, mây, mưa, dòng biển.

C. ngưng đọng hơi nước, băng tuyết.

D. địa hình, gió, mây, mưa.

Câu 2. Ý nào sau đây *chưa chính xác* khi nói về các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa?

A. Áp thấp mưa nhiều, áp cao mưa ít hoặc không mưa.

B. Dòng biển lạnh mưa nhiều, dòng biển nóng ít mưa.

C. Sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió ít mưa.

D. Nơi nào chịu ảnh hưởng của Frông, dải hội tụ nhiệt đới mưa nhiều.

Câu 3. Đặc điểm nào *không đúng* khi nói về lượng mưa phân bố không đều theo vĩ độ địa lí?

A. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo.

B. Mưa nhiều ở hai vùng chí tuyến.

C. Mưa tương đối nhiều ở hai vùng ôn đới.

D. Mưa ít khi về hai cực.

Câu 4. Ý nào *không đúng* khi nói về lượng mưa phân bố không đều do ảnh hưởng của đại dương?

A. Gần biển và đại dương thì mưa nhiều.

B. Xa biển và đại dương ít mưa.

C. Càng vào sâu trong lục địa lượng mưa càng giảm.

D. Càng vào sâu trong lục địa lượng mưa càng tăng.

Câu 5. Ý nào *chưa chính xác* khi nói đến ảnh hưởng địa hình đến lượng mưa theo

A. Sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió ít mưa.

B. Càng lên cao lượng mưa càng tăng.

C. Đỉnh núi cao thường khô ráo, ít mưa.

D. Ở một giới hạn nhất định, lượng mưa tăng theo độ cao địa hình.

HOẶC

Câu 6. Ven bờ đại dương thường có lượng mưa nhiều là do ảnh hưởng

A. có dòng biển nóng đi qua không khí chứa ít hơi nước.

B. có dòng biển nóng đi qua, không khí chứa nhiều hơi nước.

C. có dòng biển lạnh đi qua không khí chứa ít hơi nước.

D. dòng biển lạnh đi qua không khí chứa nhiều hơi nước.

Câu 7. “Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây, bên nắng đốt bên mưa mây” lời bài hát nói đến sự khác nhau về lượng mưa là do ảnh hưởng của

A. khí áp.

B. frông

C. dòng biển.

D. địa hình.

Câu 8. Các khu áp cao thường có mưa rất ít hoặc không có mưa do

A. chỉ có không khí khô bốc lên cao.

B. không khí ẩm không bốc lên được lại chỉ có gió thổi đi.

C. không khí ẩm không bốc lên được lại chỉ có gió thổi đến

D. nằm sâu trong lục địa.

PHẦN TRẢ LỜI ĐÚNG/ SAI

Câu 1. Cho dữ kiện sau, cho biết đâu là đáp án đúng, đâu là đáp án sai

“Mưa ở Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa, đặc biệt là gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam. Gió mùa Đông Bắc thường mang theo không khí lạnh từ lục địa Á-Âu, gây ra mùa đông khô và lạnh ở miền Bắc, trong khi gió mùa Tây Nam thường mang theo lượng mưa lớn từ biển vào mùa hè, tạo ra mùa mưa ở miền Nam và Tây Nguyên.”

a. Gió mùa Tây Nam mang theo lượng mưa lớn từ biển vào mùa hè. Đ

b. Gió mùa Đông Bắc gây ra mùa mưa ở miền Bắc Việt Nam

c. Miền Bắc Việt Nam chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, gây ra mùa đông khô và lạnh.

d. Gió mùa Tây Nam gây ra mùa khô ở miền Nam Việt Nam.

Câu 2. Cho dữ kiện sau, nhận xét đâu là dữ kiện đúng, đâu là dữ kiện sai

“Lượng mưa ở Việt Nam có sự phân hóa rõ rệt giữa các khu vực. Miền Bắc thường có lượng mưa cao vào mùa hè do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam và các cơn bão từ Biển Đông. Trong khi đó, miền Trung lại có mùa mưa kéo dài từ tháng 9 đến tháng 12, thường kèm theo lũ lụt do địa hình dốc và hẹp của dải đất ven biển. Miền Nam, đặc biệt là khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có lượng mưa lớn từ tháng 5 đến tháng 11.”

a. Miền Bắc Việt Nam có lượng mưa cao vào mùa hè do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam. Đ

b. Miền Trung Việt Nam có mùa mưa kéo dài từ tháng 9 đến tháng 12. Đ

c. Miền Nam Việt Nam thường có mùa mưa từ tháng 12 đến tháng 2. S

d. Miền Trung Việt Nam có lượng mưa cao nhất vào mùa hè, từ tháng 6 đến tháng 8. S

Câu 6: Lượng mưa ở miền Trung Việt Nam thường bị ảnh hưởng bởi hiện tượng gì?

A. Lượng mưa ở miền Trung thường bị ảnh hưởng bởi các cơn bão và áp thấp nhiệt đới Đ

B. Lượng mưa ở miền Trung không bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng khí tượng lớn S

C. Các cơn bão có thể gây mưa lớn và lũ lụt ở miền Trung Đ

D. Miền Trung chỉ có mưa nhỏ và không chịu ảnh hưởng của bão S

Câu 7: Đọc dữ kiện sau, cho biết nhận xét dưới đây là đúng hay sai?

“Hiện tượng El Niño và La Niña, hai hiện tượng khí hậu đối lập nhau, gây ra những biến đổi lớn trong hệ thống khí hậu toàn cầu, đặc biệt là ở khu vực Đông Nam Á, bao gồm cả Việt Nam. Khi El Niño xảy ra, nước biển ở vùng xích đạo Thái Bình Dương nóng lên bất thường, dẫn đến giảm lượng mưa, hạn hán và nắng nóng kéo dài ở nhiều vùng của nước ta. Ngược lại, La Niña làm giảm nhiệt độ nước biển, gây ra mưa lớn, lũ lụt và sạt lở đất. Những biến đổi khí hậu này không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, thủy sản mà còn gây ra nhiều khó khăn cho đời sống sinh hoạt của người dân, đe dọa đến an ninh lương thực và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.”

A. El Niño và La Niña có thể gây biến động lớn trong lượng mưa ở Việt Nam Đ

B. El Niño có thể dẫn đến tình trạng hạn hán, trong khi La Niña có thể gây mưa nhiều Đ

C. El Niño và La Niña không ảnh hưởng đến lượng mưa ở Việt Nam S

D. El Niño và La Niña chỉ ảnh hưởng đến nhiệt độ chứ không phải lượng mưa. S

BÀI 12. Thủy quyền. Nước trên lục địa

Câu 1. Ở miền xích đạo mưa quanh năm, chế độ nước của sông ngòi có đặc điểm là

A. lũ thất thường.

B. lũ vào mùa hạ.

- C. lũ vào mùa xuân. **D. quanh năm nhiều nước**
- Câu 2.** Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là
A. chế độ mưa. B. địa hình. C. thực vật. D. nước ngầm.
- Câu 3.** Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông?
A. Băng tuyết. B. Thực vật. **C. Nước ngầm.** D. Địa hình.
- Câu 4** Giải pháp chủ yếu hiện nay nhằm bảo vệ nguồn nước ngọt không phải là
A. giữ sạch nguồn nước. B. sử dụng nước tiết kiệm.
C. trồng rừng đầu nguồn. **D. xả hóa chất ra sông lớn.**
- Câu 5.** Mức nước ngầm thay đổi không phụ thuộc vào nhân tố nào sau đây?
A. Mức độ bốc hơi. B. Lớp phủ thực vật. **C. Số lượng sinh vật.** D. Đặc điểm địa hình.
- Câu 6.** Ý nghĩa của hồ đầm nối với sông là
A. giảm lưu lượng nước sông. **B. điều hoà chế độ nước sông.**
C. điều hoà dòng chảy sông. D. làm giảm tốc độ dòng chảy.
- Câu 7.** Ở miền ôn đới lạnh, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là
A. thực vật. B. chế độ mưa. C. địa hình. **D. băng tuyết.**
- Câu 8.** Tổng lượng nước của sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố nào sau đây?
A. Nước ngầm, địa hình, các hồ đầm. B. Nước ngầm, địa hình, thảm thực vật.
C. Lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm. D. Lượng mưa, băng tuyết, các hồ đầm.
- Câu 9.** Sông ngòi ở khí hậu nào dưới đây có đặc điểm "sông có lũ vào mùa xuân" ?
A. Khí hậu ôn đới lục địa. B. Khí hậu cận nhiệt lục địa.
C. Khí hậu nhiệt đới lục địa. D. Khí hậu nhiệt đới lục địa.
- Câu 10** Mức nước lũ của các sông ngòi ở miền Trung nước ta thường lên rất nhanh do nguyên nhân nào ?
A. Sông lớn, lòng sông rộng. Sông có nhiều phụ lưu cung cấp nước cho dòng sông chính.
B. Sông nhỏ, dốc, nhiều thác ghềnh.
C. Sông ngắn, dốc, lượng mưa lớn, tập trung trong thời gian ngắn.
D. Sông lớn, lượng mưa lớn kéo dài trong nhiều ngày.

PHẦN TRẢ LỜI NGẮN

Cho bảng số liệu trả lời câu hỏi 1,2,3,4:
Lưu lượng dòng chảy tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh
(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	27,7	19,3	17,5	10,7	28,7	36,7	40,6	58,4	185,0	178,0	94,1	43,7

- Câu 1:** Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s)
- Câu 2:** Tháng nào có lưu lượng dòng chảy cao nhất?
- Câu 3:** Tháng nào có lưu lượng dòng chảy thấp nhất?
- Câu 4:** Tính tỉ lệ % lưu lượng của tháng 9 so với cả năm.

Cho bảng số liệu trả lời câu hỏi 5,6:
Lưu lượng dòng chảy tại trạm Yên Thượng trên sông Cả
(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	215	169	150	147	275	419	560	918	1358	1119	561	295

- Câu 5:** Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Yên Thượng trên sông Cả (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s).
- Câu 6:** Tháng nào có lưu lượng dòng chảy lớn nhất? Bao nhiêu m³/s?

Bài 13. Nước biển và đại dương

Câu 1: Nhận định nào sau đây **không** đúng

A. Độ muối của nước biển phụ thuộc vào lượng nước sông chảy vào biển.

B. Độ muối giống nhau giữa các biển và đại dương.

C. Độ muối của nước biển do nước sông hoà tan các loại muối từ đất đá trong lục địa.

D. Độ muối của nước biển phụ thuộc vào độ bốc hơi và lượng mưa.

Câu 2. Vai trò nào sau đây **không** phải của biển và đại dương?

A. Cung cấp tài nguyên sinh vật.

B. Cung cấp nguồn năng lượng.

C. Cung cấp nhiều trang thiết bị.

D. Cung cấp tài nguyên khoáng sản.

Câu 3. Nhận định nào sau đây **không** đúng về dòng biển?

A. Dựa vào nhiệt độ, dòng biển được phân thành dòng biển nóng và dòng biển lạnh.

B. Dòng biển là dòng sông chảy từ lục địa ra biển và đại dương.

C. Các dòng biển đối xứng nhau qua các bờ của đại dương.

D. Các dòng biển chuyển động theo quy luật và chịu ảnh hưởng của các loại gió chính trên Trái Đất.

Câu 4. Trên các biển và đại dương có những loại dòng biển nào sau đây?

A. Dòng biển nóng và dòng biển lạnh.

B. Dòng biển lạnh và dòng biển nguội.

C. Dòng biển trắng và dòng biển nguội.

D. Dòng biển nóng và dòng biển trắng.

Câu 5. Sóng biển là

A. sự chuyển động tại chỗ của nước biển theo chiều thẳng đứng.

B. sự dao động tại chỗ của nước biển theo chiều thẳng đứng.

C. một hình thức dao động của nước biển theo chiều ngang.

D. quá trình chuyển động của nước biển theo chiều thẳng đứng.

Câu 6. Thủy triều là

A. hiện tượng các khối nước trong các biển và đại dương lên xuống do sức hút của Mặt Trăng.

B. hiện tượng dao động thường xuyên, không có chu kì của các khối nước trong các biển và đại Dương.

C. hiện tượng dao động thường xuyên có chu kì của các khối nước trong các biển và đại Dương.

D. một dạng vận động thường xuyên của các khối nước có chu kì trong các biển và đại Dương.

Câu 7. Dao động thủy triều lớn nhất (triều cường) xảy ra khi

A. Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất vuông góc.

B. Trái Đất thẳng hàng với Mặt Trời, Mặt Trăng lệch hướng.

C. Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất thẳng hàng.

D. Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng lệch hướng nhau.

Câu 8. Dao động thủy triều nhỏ nhất (triều kém) xảy ra khi

A. Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất vuông góc.

B. Trái Đất thẳng hàng Mặt Trời, Mặt Trăng lệch hướng.

C. Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất thẳng hàng.

D. Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng lệch hướng nhau.

Câu 9. Nguyên nhân chủ yếu biển Ban-tích có độ muối rất thấp là do

A. biển đóng băng quanh năm, ít dòng chảy.

B. nhiều sông lớn đổ vào, độ bốc hơi rất lớn.

C. biển rất ít mưa nhưng độ bốc hơi lại lớn.

D. biển kín, có nguồn nước sông phong phú.

Câu 10. Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu là do

A. động đất.

B. bão.

C. núi lửa.

D. gió.

Câu 11. Các dòng biển chịu ảnh hưởng chủ yếu của

A. độ muối ở các biển và đại dương.

B. các loại gió chính trên bề mặt Trái Đất.

C. nhiệt độ của nước biển và đại dương.

D. thủy triều ở các đại dương.

Câu 12. Các dòng biển nóng thường có hướng chảy từ

A. vĩ độ thấp về vĩ độ cao.

B. vĩ độ cao về vĩ độ thấp.

C. bán cầu Bắc xuống Nam.

D. bán cầu Nam lên Bắc.

PHẦN TRẢ LỜI ĐÚNG/ SAI

Câu 1: Độ mặn của nước biển có ảnh hưởng gì đến dòng chảy và sinh vật biển?

a. Độ mặn cao làm tăng trọng lượng riêng của nước, dẫn đến sự hình thành các dòng chảy sâu và lạnh. Đ

b. Vùng biển nhiệt đới có độ mặn thấp hơn vùng biển ôn đới do sự bốc hơi mạnh. S

c. Độ mặn càng cao, sinh vật biển càng dễ sống do nồng độ muối giúp ổn định môi trường nước. S

d. Những vùng biển có độ mặn cao hơn có xu hướng ít hỗ trợ các hệ sinh thái đa dạng hơn. Đ

Câu 2: Sóng biển có vai trò quan trọng nào trong việc điều hòa khí hậu và môi trường ven biển?

a. Sóng biển tạo ra sự luân chuyển khí CO₂ giữa đại dương và khí quyển, ảnh hưởng đến chu trình carbon toàn cầu. Đ

b. Các đợt sóng lớn thường làm tăng khả năng hấp thụ nhiệt từ Mặt Trời, làm cho các vùng ven biển ấm lên nhanh hơn. S

- c. Sóng biển góp phần làm xói mòn bờ biển nhưng cũng có vai trò quan trọng trong việc tái tạo các hệ sinh thái ven biển. Đ
d. Sự hình thành sóng biển không bị ảnh hưởng bởi hiện tượng khí hậu như gió mùa hoặc bão nhiệt đới.

Câu 3: Các dòng biển có vai trò gì trong việc điều chỉnh khí hậu toàn cầu và hệ sinh thái biển?

- a. Dòng biển lạnh thường mang nhiệt từ xích đạo về các vùng cực, giúp điều hòa nhiệt độ toàn cầu. S
b. Dòng biển ấm thường chảy từ vùng nhiệt đới về phía các vĩ độ cao hơn, làm giảm sự phân tầng nhiệt độ trong nước. S
c. Các dòng biển ấm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của hệ sinh thái phong phú ở các vùng ven biển ôn đới. Đ
d. Sự di chuyển của các dòng biển không liên quan đến sự thay đổi khí hậu toàn cầu và các hiện tượng thời tiết. S

Câu 4: Hiện tượng thủy triều có tác động như thế nào đến các hoạt động kinh tế ven biển và sinh thái?

- a. Thủy triều mạnh thường gây khó khăn cho các hoạt động đánh bắt hải sản do biến động về mực nước. Đ
b. Các đợt thủy triều lớn giúp cung cấp chất dinh dưỡng cho các vùng cửa sông, tăng cường đa dạng sinh học. Đ
c. Thủy triều hoàn toàn không ảnh hưởng đến hoạt động của các cảng biển lớn, do có thể dự đoán chính xác thời gian. S
d. Sự biến động của thủy triều không ảnh hưởng đến hệ sinh thái rạn san hô và vùng ngập mặn ven biển. S.

Câu 5: Vai trò của biển trong hệ sinh thái và phát triển kinh tế bền vững là gì?

- a. Biển cung cấp phần lớn nguồn thực phẩm protein cho con người, nhưng nguồn lợi này không bị ảnh hưởng bởi khai thác quá mức. S
b. Biển đóng vai trò quan trọng trong chu trình nước toàn cầu, nhưng không ảnh hưởng đến chu trình carbon và khí hậu. S
c. Biển là nơi hấp thụ lượng CO₂ lớn từ khí quyển, nhưng quá trình này có thể làm tăng mức độ axit hóa đại dương. Đ
d. Hoạt động khai thác dầu mỏ và khoáng sản từ biển không gây tác động lớn đến hệ sinh thái đại dương. S

Câu 6: Biển và đại dương có tác động như thế nào đến các khu vực ven biển và đất liền?

- a. Các dòng hải lưu ấm từ đại dương thường làm giảm nhiệt độ ở các khu vực ven biển vào mùa đông. S
b. Biển giúp điều hòa khí hậu của các khu vực đất liền gần bờ, làm cho chúng có mùa hè mát hơn và mùa đông ấm hơn. Đ
c. Vùng đất liền ở sâu trong lục địa không bị ảnh hưởng bởi biển, do biển chỉ tác động đến các vùng ven bờ. S
d. Biển làm tăng độ ẩm không khí ở các vùng ven biển, góp phần tạo ra mưa và khí hậu ẩm ướt hơn. Đ

Câu 7: Tác động của biến đổi khí hậu đối với các đại dương và vùng biển là gì?

- a. Biến đổi khí hậu làm tăng nhiệt độ nước biển, gây ra hiện tượng nước biển dâng và đe dọa các khu vực ven bờ thấp. Đ
b. Các đại dương hấp thụ nhiệt lượng từ biến đổi khí hậu, làm giảm tốc độ tăng nhiệt của bề mặt đất liền. Đ
c. Biến đổi khí hậu không ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển vì các sinh vật biển có khả năng thích nghi nhanh với thay đổi nhiệt độ. S
d. Các rạn san hô bị đe dọa do sự tăng cường axit hóa nước biển, ảnh hưởng đến sự sống còn của các loài sinh vật biển. Đ

Bài 14. ĐẤT

Câu 1. Thổ nhưỡng là:

- A. lớp vật chất tối xốp trên bề mặt lục địa.
C. lớp vật chất tối xốp trên bề mặt đại dương.

- B. là sản phẩm phân hủy từ thực vật.
D. là sản phẩm phá hủy đầu tiên của đá gốc.

Câu 2. Khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cho thực vật sinh trưởng và phát triển được gọi là:

- D. độ dày của thổ nhưỡng
C. độ phì của thổ nhưỡng

- B. tầng dinh dưỡng thổ nhưỡng.
D. tốc độ phong hóa của thổ nhưỡng

Câu 3. Trong quá trình hình thành đất, vi sinh vật có vai trò?

- A. Là nguồn cung cấp chủ yếu các chất hữu cơ cho đất.
C. Góp phần quan trọng trong việc phá hủy đá.

- B. Phân giải xác vật chất hữu cơ và tổng hợp thành mùn.
D. Làm biến đổi tính chất của đất.

Câu 4. Căn cứ vào đặc trưng nào để phân biệt đất với đá, nước, sinh vật?

- A. Khả năng tác động đến sinh trưởng, phát triển của động vật.
B. Khả năng tác động đến sinh trưởng, phát triển của thực vật.
C. Khả năng tác động đến sinh trưởng, phát triển của vi sinh vật.
D. Khả năng tác động đến sinh trưởng, phát triển của con người.

Câu 5. Nhận xét nào sau đây không đúng khi nói về thổ nhưỡng?

- A. Là lớp vật chất tối xốp trên bề mặt lục địa.
C. Là sản phẩm phá hủy cuối cùng của đá gốc.

- B. Được đặc trưng bởi độ phì.
D. Là sản phẩm phá hủy đầu tiên của đá gốc.

Câu 6. Nhận xét nào sau đây không đúng khi nói về đá mẹ?

- A. Là nguồn cung cấp vật chất vô cơ cho đất.
C. Quyết định đến thành phần cơ giới của đất.

- B. Quyết định đến thành phần khoáng vật của đất.
D. Ít ảnh hưởng đến tính chất của đất.

Câu 7. Nhận định nào dưới đây không đúng khi nói về tác động của nhiệt ẩm đến sự hình thành đất?

- A. Làm cho đá gốc bị phá hủy về mặt cơ học.
B. Làm cho đá gốc bị phá hủy thành những sản phẩm phong hóa.
C. Ảnh hưởng tới sự hòa tan, rửa trôi hoặc tích tụ vật chất trong các tầng đất.

D. Tạo điều kiện thuận lợi cho các vi sinh vật phân giải và tổng hợp các chất hữu cơ.

Câu 8. Quá trình hình thành đất chịu tác động của các nhân tố nào sau đây?

A. Đá mẹ, khí hậu, thời gian và con người, sinh vật và địa hình.

B. Đá mẹ, nước, thời gian và con người, sinh vật và địa hình.

C. Đá mẹ, khí hậu, thời gian và con người, vị trí địa lí.

D. Đá mẹ, nước, thời gian và con người, sinh vật, vị trí địa lí.

BÀI 15. Sinh quyển. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật

A. tầng đối lưu, toàn bộ thủy quyển, lớp phủ thổ nhưỡng.

B. toàn bộ thủy quyển, phần thấp của khí quyển, lớp phủ thổ nhưỡng và lớp vỏ phong hóa.

C. tầng bình lưu, thủy quyển, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hóa và đá gốc.

D. phần thấp của khí quyển, toàn bộ thủy quyển, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hóa và nham thạch.

Câu 2. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật là:

A. khí hậu, địa hình, sinh vật và con người.

B. khí hậu, đất, địa hình và con người.

C. khí hậu, đất, địa hình, sinh vật và con người.

D. khí hậu, đất, thời gian, sinh vật và con người.

Câu 3. Giới hạn phía trên của sinh quyển là

A. nơi tiếp giáp lớp ôzôn của khí quyển (22km).

B. đỉnh của tầng đối lưu (xích đạo là 16 km; cực khoảng 8 km).

C. đỉnh của tầng bình lưu (50 km).

D. đỉnh của tầng giữa (80 km).

Câu 4. Trong nhân tố khí hậu, yếu tố nào quyết định sự sống của sinh vật?

A. nhiệt độ và ánh sáng.

B. nước và nhiệt độ.

C. nhiệt độ và độ ẩm không khí.

D. nước và độ ẩm không khí.

Câu 5. Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật, chủ yếu thông qua các yếu tố nào sau đây?

A. Gió, nhiệt độ, nước, ánh sáng.

B. Nhiệt độ, nước, độ ẩm không khí, ánh sáng.

C. Khí áp, nước, độ ẩm không khí, ánh sáng.

D. Khí áp, gió, nhiệt độ, nước, ánh sáng.

Câu 6. Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do

A. thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật.

B. thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.

C. sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.

D. sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.

Câu 7. Ảnh hưởng rõ rệt nhất của con người đối với sự phân bố sinh vật thể hiện ở việc nào sau đây?

A. Mở rộng thu hẹp diện tích rừng trên bề mặt trái đất.

B. Di chuyển giống cây trồng, vật nuôi từ nơi này tới nơi khác.

C. Làm tuyệt chủng một số loài động vật, thực vật.

D. Tạo ra một số loài động, thực vật mới trong quá trình lai tạo.

Câu 8. Ý nào sau đây **không phải** là tác động tiêu cực của con người có ảnh hưởng tới sự phân bố của sinh vật?

A. Con người đã và đang gây nên sự thu hẹp diện tích rừng.

B. Làm mất nơi sinh sống của nhiều loài động thực vật.

C. Làm tuyệt chủng nhiều loài động thực vật hoang dã.

D. Làm thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loài động, thực vật.

Câu 9. Ý nào sau đây **không phải** ảnh hưởng của hướng sườn địa hình tới sự phân bố sinh vật vùng núi?

A. Độ cao xuất hiện của các vành đai thực vật.

B. Độ cao kết thúc của các vành đai thực vật.

C. Diện tích các vành đai thực vật.

D. Thành phần thực vật.

Câu 10. Thực vật có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố động vật nên:

A. nơi nào thực vật phong phú thì động vật cũng phong phú.

B. nơi nào thực vật không phong phú thì động vật cũng không phong phú.

C. nơi nào thực vật phong phú thì động vật cũng không phong phú.

D. nơi nào thực vật phong phú thì động vật cũng phong phú và ngược lại.

Câu 11. Ý nào sau đây là tác động tích cực của con người có ảnh hưởng tới sự phân bố của sinh vật?

A. Con người đã và đang gây nên sự thu hẹp diện tích rừng.

B. Làm mất nơi sinh sống của nhiều loài động thực vật.

C. Làm tuyệt chủng nhiều loài động thực vật hoang dã.

D. Làm thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loài động, thực vật.

PHẦN TRẢ LỜI ĐÚNG/ SAI

Câu 1: Cho đoạn thông tin sau:

Sinh quyển là một phần của Trái Đất nơi có sự sống tồn tại, bao gồm tất cả các sinh vật sống trên cạn, dưới nước và trong không khí. Sinh quyển không chỉ là nơi cư trú của động vật, thực vật và vi sinh vật, mà còn là một hệ thống phức tạp, tương tác chặt chẽ với các yếu tố môi trường như đất, nước, khí quyển và ánh sáng. Các yếu tố này tạo ra một môi trường

sống phù hợp cho sự phát triển của các loài sinh vật khác nhau. Đặc biệt, điều kiện khí hậu và địa lý có vai trò quan trọng trong việc xác định các khu vực sinh sống và phân bố của sinh vật.

- a. Sinh quyển là một phần của Trái Đất nơi có sự sống tồn tại, bao gồm tất cả các sinh vật sống trên cạn, dưới nước và trong không khí. Đ
- b. Các yếu tố môi trường như đất, nước, khí quyển và ánh sáng tạo ra một môi trường sống phù hợp cho sự phát triển của các loài sinh vật. Đ
- c. Sinh quyển chỉ bao gồm các sinh vật sống trên cạn. S
- d. Các yếu tố môi trường không ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật. S

Câu 2: Cho đoạn thông tin sau:

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật có thể chia thành hai nhóm chính: yếu tố sinh thái và yếu tố phi sinh thái. Yếu tố sinh thái bao gồm sự tương tác giữa các sinh vật trong hệ sinh thái, như cạnh tranh, ký sinh, ăn thịt, và sự hợp tác giữa các loài. Yếu tố phi sinh thái bao gồm các điều kiện vật lý và hóa học của môi trường, chẳng hạn như nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, độ pH của đất và nước, cùng với các yếu tố khí hậu như gió, mưa, và độ cao. Những yếu tố này tác động mạnh mẽ đến sự phân bố và phát triển của sinh vật trên Trái Đất.

- a. Yếu tố sinh thái bao gồm sự tương tác giữa các sinh vật như cạnh tranh, ký sinh, ăn thịt và hợp tác giữa các loài. Đ
- b. Yếu tố phi sinh thái bao gồm các điều kiện vật lý và hóa học của môi trường như nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và độ pH của đất. Đ
- c. Các yếu tố sinh thái không có ảnh hưởng đến sự phân bố sinh vật, chỉ có yếu tố phi sinh thái mới quan trọng. S
- d. Các yếu tố phi sinh thái chỉ ảnh hưởng đến sự phát triển của sinh vật trong một số môi trường nhất định, không ảnh hưởng đến sự phân bố. S

Câu 3: Cho đoạn thông tin sau:

Mỗi loài sinh vật chỉ có thể phát triển và sinh sống trong một phạm vi điều kiện môi trường nhất định, được gọi là "dải sinh thái". Dải sinh thái của một loài bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khí hậu, địa hình, nguồn thức ăn và sự hiện diện của các loài khác. Ví dụ, một loài động vật chỉ có thể sống ở nhiệt độ và độ ẩm phù hợp, trong khi một loài thực vật cần ánh sáng mặt trời và đất phù hợp để phát triển. Biến đổi khí hậu và hoạt động của con người, như phá rừng, ô nhiễm môi trường và thay đổi sử dụng đất, cũng có thể làm thay đổi hoặc thu hẹp dải sinh thái của nhiều loài, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân bố và phát triển của chúng.

- a. Dải sinh thái của một loài bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khí hậu, địa hình, nguồn thức ăn và sự hiện diện của các loài khác. Đ
- b. Biến đổi khí hậu và các hoạt động của con người có thể làm thay đổi hoặc thu hẹp dải sinh thái của nhiều loài. Đ
- c. Mỗi loài sinh vật có thể phát triển trong mọi điều kiện môi trường mà không bị hạn chế. S
- d. Dải sinh thái của một loài không bị ảnh hưởng bởi sự biến đổi khí hậu. S

Câu 4: Địa hình ảnh hưởng đến sinh quyển như thế nào? lựa chọn đáp án đúng sai cho các ý a, b, c, d

- a. Địa hình bằng phẳng thường có hệ sinh thái đa dạng hơn vì sự ổn định của môi trường. S
- b. Địa hình đồi núi có hệ sinh thái đặc thù do sự thay đổi độ cao và khí hậu. Đ
- c. Độ cao ảnh hưởng đến sự phân bố của sinh vật, đặc biệt là thực vật, vì sự thay đổi nhiệt độ theo độ cao. Đ
- d. Địa hình không ảnh hưởng đến sinh quyển vì các loài sinh vật có thể thích nghi với mọi loại địa hình. S

Câu 5: Con người đã tác động như thế nào đến sinh quyển? lựa chọn đáp án đúng sai cho các ý a, b, c, d

- a. Việc phá rừng ảnh hưởng mạnh đến sinh quyển, làm mất đi nơi cư trú của nhiều loài sinh vật. Đ
- b. Con người tạo ra sự đa dạng sinh học mới khi canh tác nông nghiệp, giúp tăng cường sinh quyển. S
- c. Hoạt động CNg nghiệp không gây tác động nhiều đến sinh quyển vì không liên quan trực tiếp đến hệ sinh thái tự nhiên. S
- d. Các hoạt động bảo tồn sinh thái giúp giảm thiểu tác động của con người và bảo vệ các loài sinh vật trong sinh quyển. Đ

Câu 6: Khí hậu ảnh hưởng thế nào đến sinh quyển? lựa chọn đáp án đúng sai cho các ý a, b, c, d

- a. Khí hậu ôn đới thường có sự đa dạng sinh học thấp hơn do sự thay đổi nhiệt độ theo mùa. Đ
- b. Khí hậu nhiệt đới giúp duy trì sự đa dạng sinh học cao vì các loài có thể phát triển quanh năm. Đ
- c. Sinh vật ở vùng cực phát triển mạnh nhờ điều kiện khí hậu ổn định. S
- d. Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân bố của thực vật, từ đó ảnh hưởng đến chuỗi thức ăn của các loài động vật. Đ

Câu 7: Vai trò của các yếu tố đất và nước đối với sự phát triển của sinh quyển là gì? lựa chọn đáp án đúng sai cho các ý a, b, c, d

- a. Đất phì nhiêu và nguồn nước dồi dào giúp duy trì các hệ sinh thái phức tạp và đa dạng. Đ
- b. Nguồn nước không ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của sinh vật vì hầu hết sinh vật sống dựa trên nguồn dinh dưỡng từ đất. S
- c. Đất cằn cỗi thường duy trì hệ sinh thái đơn giản hơn do thiếu chất dinh dưỡng cho thảm thực vật. Đ
- d. Sự thay đổi lượng nước trong môi trường có thể ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học của hệ sinh thái. Đ

Bài 17. Lớp vỏ địa lý. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lý.

Câu 1: Nguyên nhân nào sau đây tạo nên quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lý?

A. Tác động của bức xạ Mặt Trời.

B. Tác động đồng thời của nội lực và ngoại lực.

C. Sự phân hủy các chất phóng xạ trong lòng Trái Đất.

D. Sự dịch chuyển của vật chất theo quy luật trọng lực bên trong Trái đất

Câu 2: Giới hạn phía dưới của lớp vỏ địa lý là

A. Giới hạn phía dưới của thủy quyển và thạch quyển.

B. Đáy vực thẳm đại dương và hết thạch quyển trên lục địa.

C. Hết tầng trầm tích của vỏ trái đất.

D. Đáy vực thẳm đại dương và hết lớp vỏ phong hóa trên lục địa.

Câu 3: Hiện tượng El Niño dẫn đến sự thay đổi nào sau đây ở hoang mạc Atacama?

A. Lượng mưa rất thấp.

B. Sự sống bị hủy diệt,

C. Đất đai cằn cỗi, nghèo dinh dưỡng.

D. Các lòng cạn biến thành các dòng sông.

Câu 4: Muốn sử dụng bất kì một lãnh thổ nào, cần phải

A. nghiên cứu kĩ càng yếu tố khí quyển, thạch quyển.

C. nghiên cứu kĩ càng yếu tố khí quyển, thủy quyển.

B. nghiên cứu kĩ càng yếu tố thạch quyển, sinh quyển,

D. nghiên cứu kĩ càng và toàn diện các điều kiện địa lý.

Câu 5: Lớp vỏ địa lý còn được gọi là ?

A. Lớp phủ thực vật.

B. Lớp vỏ cảnh quan.

C. Lớp vỏ Trái Đất.

D. Lớp thổ nhưỡng.

Câu 6: Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lý là

A. quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các thành phần của lớp vỏ địa lý

B. quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các bộ phận của trái đất

C. quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các loài trong sinh vật

D. quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các tầng của khí quyển

Câu 7: Theo quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lý, muốn đưa bất kì lãnh thổ nào sử dụng vào mục đích kinh tế, cần phải

A. nghiên cứu kĩ khí hậu, đất đai.

B. nghiên cứu đại chất, địa hình.

C. nghiên cứu khí hậu, đất đai, địa hình.

D. nghiên cứu toàn diện tất cả các yếu tố địa lý.

Câu 8: Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lý là quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa

A. Các địa quyển

B. Các bộ phận lãnh thổ trong lớp vỏ địa lý.

C. Các thành phần trong lớp vỏ địa lý.

D. Lớp vỏ địa lý và vỏ trái đất.

Câu 9: Mối quan hệ qua lại lẫn nhau của các thành phần vật chất giữa các quyển trong lớp vỏ địa lý tạo nên

A. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh.

B. Quy luật địa đới.

C. Quy luật phi địa đới.

D. Quy luật đai cao.

Câu 10: Lớp vỏ địa lý (lớp vỏ cảnh quan) bao gồm

A. Toàn bộ vỏ trái đất

B. Vỏ trái đất và khí quyển bên trên

C. Toàn bộ các địa quyển

D. Các lớp vỏ bộ phận xâm nhập và tác động lẫn nhau.

Bài 18: Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới

Câu 1. Điểm giống nhau về biểu hiện rõ nhất của quy luật đai cao và quy luật địa ô là

A. sự phân bố các kiểu thảm thực vật.

B. sự phân bố các vành đai đất.

C. sự phân bố các vòng đai khí hậu.

D. sự phân bố dòng chảy sông ngòi

Câu 2. Nguyên nhân chính tạo nên quy luật địa ô là do

A. các vành đai đảo, quần đảo ven các biển.

B. các loại gió thổi lớn theo chiều vĩ tuyến.

C. các dãy núi chạy theo chiều kinh tuyến.

D. sự phân bố đất liền, biển và đại dương.

Câu 3. Sự thay đổi có quy luật của các thành phần địa lý và cảnh quan địa lý từ xích đạo về cực là biểu hiện của quy luật địa lý nào?

A. Quy luật phi địa đới.

B. Quy luật nhịp điệu.

C. Quy luật thống nhất.

D. Quy luật địa đới.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu có các đai cao ở miền núi là do

A. sự giảm nhanh lượng mưa, khí áp và nhiệt độ không khí theo độ cao.

B. sự giảm nhanh nhiệt độ, lượng mưa và mật độ không khí theo độ cao.

C. sự giảm nhanh lượng bức xạ từ Mặt Trời chiếu xuống phân theo độ cao.

D. sự giảm nhanh nhiệt độ và sự thay đổi độ ẩm, lượng mưa theo độ cao.

Câu 5. Những hiện tượng và quá trình tự nhiên xảy ra trong lớp vỏ địa lý đều do

A. quy luật thống nhất chi phối.

B. các quy luật tự nhiên chi phối.

C. quy luật phi địa đới chi phối.

D. quy luật địa đới chi phối.

Chúc các em gặt hái nhiều thành công trong kì thi sắp tới